

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:136/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-12-2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn giữa
Chị L và anh L”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Minh Quang
- Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh - Thư ký TAND huyện C.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở TAND huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 441/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1991; (có mặt)

Đăng ký hộ khẩu: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Tạm trú: Ấp Mỹ Hưng, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Ngô Văn L, sinh năm 1991; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/9/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: chị L và anh Ngô Văn xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2015 và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/12/2015. Chị và anh L chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L thường xuyên nhậu và đánh chị nên vợ chồng đã sống ly thân khoảng sáu tháng nay, cả hai không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm. Nay, chị L xét thấy không còn tình cảm với anh L, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn L.

-Về nuôi con chung: có 01 con chung là cháu Ngô Tấn T, sinh ngày 14/8/2019. Chị L xác định cháu T đang do anh L nuôi dưỡng nên khi ly hôn chị

đồng ý cho anh T được tiếp tục nuôi con chung vì cháu T đã quen môi trường sống bên gia đình anh L, chị L không cấp dưỡng nuôi con.

-Về chia tài sản: không có.

-Về nợ: không có.

Tòa án tiến hành lập thủ tục thông báo về việc thụ lý vụ án và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn anh Ngô Văn L vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Ngô Văn L. Anh Ngô Văn L có nơi cư trú tại ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Bị đơn anh Ngô Văn L đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Ngô Văn L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2015 là hôn nhân hợp pháp. Theo chị L nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh L thường xuyên nhậu và đánh chị nên vợ chồng đã sống ly thân khoảng sáu tháng nay. Hiện tại chị L không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với anh L.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L nhưng anh L không đến Tòa án, chứng tỏ anh L không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị L để vợ chồng đoàn tụ, chị L cương quyết ly hôn vì cho rằng vợ chồng đã ly thân, chị L không còn tình cảm với anh L và vợ chồng không có khả năng hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh L đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị L yêu cầu được ly hôn với anh L là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị L.

[2.2] Về nuôi con chung: Theo chứng cứ do chị Trần Thị L cung cấp, chị và anh L có 01 con chung là cháu Ngô Tấn T, sinh ngày 14/8/2019. Khi ly hôn, chị L đồng ý cho anh L được tiếp tục nuôi cháu T vì cháu T đã quen môi trường sống bên gia đình anh L. Xét thấy, để ổn định cuộc sống của cháu T nên

Hội đồng xét xử quyết định cho anh L được tiếp tục nuôi con chung là cháu Ngô Tấn T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh L không có văn bản trình bày vấn đề này, chị L xác định không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Do anh Ngô Văn L không có văn bản trình bày vấn đề này, chị L xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[2.4] Về án phí: chị Trần Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2.5] Về quyền kháng cáo: chị Trần Thị L và anh Ngô Văn L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L về việc “Ly hôn” với anh Ngô Văn L.

1. Về hôn nhân: chị Trần Thị L được ly hôn với anh Ngô Văn L.

2. Về nuôi con chung: anh Ngô Văn L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngô Tấn T, sinh ngày 14/8/2019. Chị Trần Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về án phí: chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0000713 ngày 28/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung